

CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG**

- Mã chứng khoán: **AIG**
- Địa chỉ: **Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Điện thoại liên hệ/Tel: **028 5416 1386**
- Fax:
- Email:.....
- Website: **www.asiagroup-vn.com**

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):
 - ☐ Có
 - ☒ Không
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có
 - ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/03/2025 tại đường dẫn: www.asiagroup-vn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2024
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận năm 2024 so với cùng kỳ



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO NĂM 2024 SO VỚI CÙNG KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Tên Tiếng Anh: AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION

Địa chỉ trụ sở chính: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 5416 1386

Website: www.asiagroup-vn.com

Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Tùng

Chức danh: Người đại diện theo pháp luật

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ

☐ Bất thường

☐ Theo yêu cầu



Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/03/2025, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) nộp Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán (“Báo cáo”) ký ngày 28/03/2025. Biến động một số chỉ tiêu có ảnh hưởng trọng yếu khiến Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 thay đổi từ 10% trở lên so với năm 2023 là như sau:

VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	% Tăng/(Giảm)
10	3. Doanh thu thuần	34.899.984.502	11.035.055.125	216,26%
11	4. Giá vốn hàng bán	(24.308.002.841)	(9.420.155.597)	158,04%
20	5. Lợi nhuận gộp	10.591.981.661	1.614.899.528	556,89%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	260.622.525.091	132.096.569.276	97,3%
22	7. Chi phí tài chính	(28.713.310.162)	(1.848.765.552)	1453,11%
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(38.704.607.860)	(22.139.839.025)	74,82%
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	203.796.588.730	109.722.864.227	85,74%
31	12. Thu nhập khác	29.635	848	3394,69%
32	13. Chi phí khác	(55.728.268)	(208.528.971)	-73,28%
40	14. Lợi nhuận khác	(55.698.633)	(208.528.123)	-73,28%

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	% Tăng/(Giảm)
50	15. Lợi nhuận thuần trước thuế	203.740.890.097	109.514.336.104	86,04%
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(430.000)	-	100%
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	-	-	100%
60	18. Lợi nhuận sau thuế	203.740.460.097	109.514.336.104	86,04%

Một số nguyên nhân:

- **Mã số 20:** Tại ngày 29/12/2023, công ty nhận chuyển nhượng Tòa nhà AIG từ công ty thành viên, vì vậy bắt đầu từ tháng 1/2024, Công ty có phát sinh doanh thu cho thuê tòa nhà và chi phí vận hành.
- **Mã số 21:** Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 97,3% so với năm trước. Chủ yếu là do nhận cổ tức từ các công ty thành viên.
- **Mã số 22:** Công ty phát sinh lãi vay từ các công ty thành viên cho hoạt động đầu tư.
- **Mã số 26:** Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 74,82% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do trong kỳ công ty thực hiện tái cơ cấu quản lý và phát sinh thêm các chi phí vận hành tòa nhà AIG.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 03 năm 2025
**Người đại diện theo pháp luật/ Người được ủy
quyền thực hiện công bố thông tin**
(chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Bảo Tùng



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 36

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bernhard Hackl	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2024
Ông Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2024
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Bá Lương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2024
Ông Phạm Đăng Long	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Bảo Tùng	bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2024
Ông Phạm Trung Lâm	bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2024
Ông Trần Việt Hùng	miễn nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 0012117582/E-67737590-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chín Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		110.974.415.544	204.607.219.117
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	25.613.245.018	30.500.208.297
111	1. Tiền		4.469.305.846	1.001.183.244
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.143.939.172	29.499.025.053
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.758.029.676	160.890.338.455
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21	15.683.207.387	11.917.859.535
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		821.007.846	57.221.603.730
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	25.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	20.253.814.443	91.750.875.190
140	III. Hàng tồn kho		15.280.302	-
141	1. Hàng tồn kho		15.280.302	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		23.587.860.548	13.216.672.365
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	896.937.938	535.305.732
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.684.282.610	12.674.726.633
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	6.640.000	6.640.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.428.376.898.639	2.609.498.188.604
210	I. Phải thu dài hạn		28.000.000	28.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	28.000.000	28.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.412.674.470	1.413.999.642
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.986.419.471	929.831.311
222	Nguyên giá		3.585.439.545	1.987.404.545
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.599.020.074)	(1.057.573.234)
227	2. Tài sản cố định vô hình		426.254.999	484.168.331
228	Nguyên giá		505.800.000	505.800.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(79.545.001)	(21.631.669)
230	III. Bất động sản đầu tư	8	104.252.053.804	110.000.000.000
231	1. Nguyên giá		110.500.000.000	110.000.000.000
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(6.247.946.196)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.403.256.428	344.166.667
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.403.256.428	344.166.667
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	9	3.184.744.578.291	2.475.933.817.844
251	1. Đầu tư vào các công ty con		2.892.100.344.316	2.481.118.024.316
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		301.802.120.465	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.157.886.490)	(5.184.206.472)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		135.536.335.646	21.778.204.451
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	135.536.335.646	21.778.204.451
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.539.351.314.183	2.814.105.407.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		677.585.271.285	156.080.324.920
310	I. Nợ ngắn hạn		677.585.271.285	156.080.324.920
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.211.009.216	137.999.642.031
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	880.641.233	410.145.347
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	25.117.517.473	3.554.085.747
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.000.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		268.809.207	16.157.639
320	6. Vay ngắn hạn	14	635.000.000.000	-
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.12	14.100.294.156	14.100.294.156
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.861.766.042.898	2.658.025.082.801
410	I. Vốn chủ sở hữu	15.1	2.861.766.042.898	2.658.025.082.801
411	1. Vốn cổ phần		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.000.000.000	174.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		981.753.062.898	778.012.102.801
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		778.012.102.801	668.497.766.697
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		203.740.960.097	109.514.336.104
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.539.351.314.183	2.814.105.407.721

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	16.1	34.899.984.502	11.035.055.125
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	17	(24.308.002.841)	(9.420.155.597)
20	3. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ		10.591.981.661	1.614.899.528
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	260.622.525.091	132.096.569.276
22	5. Chi phí tài chính	18	(28.713.310.162)	(1.848.765.552)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(24.739.630.144)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(38.704.607.860)	(22.139.839.025)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		203.796.588.730	109.722.864.227
31	8. Thu nhập khác		529.635	848
32	9. Chi phí khác		(55.728.268)	(208.528.971)
40	10. Lỗ khác		(55.198.633)	(208.528.123)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		203.741.390.097	109.514.336.104
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(430.000)	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		203.740.960.097	109.514.336.104

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		203.741.390.097	109.514.336.104
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		6.847.306.368	339.911.215
03	Dự phòng	18	3.973.680.018	1.848.765.552
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(260.622.525.091)	(132.096.569.276)
06	Chi phí lãi vay		24.739.630.144	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(21.320.518.464)	(20.393.556.405)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		62.697.312.811	(7.360.394.740)
10	Tăng hàng tồn kho		(15.280.302)	-
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(24.223.752.272)	27.944.232.889
12	Tăng chi phí trả trước		(114.119.763.401)	(16.893.615.058)
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.010.931.507)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(430.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(100.993.363.135)	(16.703.333.314)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(113.157.124.761)	(430.530.303)
23	Tiền chi cho vay		(25.000.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(842.752.120.465)	(86.700.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		129.967.680.000	-
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi		312.047.965.082	101.817.084.839
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(538.893.600.144)	14.686.554.536
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	14	670.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	14	(35.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		635.000.000.000	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(4.886.963.279)	(2.016.778.778)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.500.208.297	32.516.987.075
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	25.613.245.018	30.500.208.297

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 61 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 43).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

► **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► Công ty Cổ phần APIS ("APIS")

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 66,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► **Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")**

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

► **Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")**

AHC (trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam) được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, Đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

► **Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")**

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 9 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,2% tỷ lệ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98% và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết trong MDG.

► **Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")**

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 2 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")***

AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói sản phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm 50,03% tỷ lệ sở hữu và 65,00% quyền biểu quyết trong AFS thông qua công ty con.

Công ty liên doanh:

► ***Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")***

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2021. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 30,00% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 30,00% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

Công ty liên kết:

► ***Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")***

GCF là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 44,50% phần vốn chủ sở hữu trong GCF.

► ***Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")***

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 49,00% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49,00% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

► ***Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")***

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 40% phần vốn chủ sở hữu trong ACI (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 40,55% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 9*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm
Tài sản khác	6 năm

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	18 năm
--------------------------	--------

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 29 tháng 12 năm 2023 trong thời hạn 18 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý

Công ty xác định và ghi nhận doanh thu dựa trên biên bản nghiệm thu kết quả công việc tư vấn quản lý.

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.720.000	16.576.000
Tiền gửi ngân hàng	4.464.585.846	984.607.244
Các khoản tương đương tiền (*)	21.143.939.172	29.499.025.053
TỔNG CỘNG	25.613.245.018	30.500.208.297

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 4,5%/năm.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là các khoản cho các công ty trong Tập đoàn vay để tài trợ vốn lưu động. Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (Thuyết minh số 21)	15.000.000.000	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2025 đến ngày 13 tháng 2 năm 2025	Tín chấp
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients (Thuyết minh số 21)	10.000.000.000	Ngày 13 tháng 2 năm 2025	Tín chấp
TỔNG CỘNG	25.000.000.000		

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.253.814.443	91.750.875.190
Cổ tức	12.000.000.000	63.600.196.000
Tạm ứng cho nhân viên	5.759.118.762	3.034.549.000
Đặt cọc	567.639.691	23.400.766.416
Lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng	204.724.532	29.968.523
Khác	1.722.331.458	1.685.395.251
Dài hạn	28.000.000	28.000.000
Đặt cọc	28.000.000	28.000.000
TỔNG CỘNG	20.281.814.443	91.778.875.190
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	12.197.773.972	63.600.196.000
Phải thu bên khác	8.084.040.471	28.178.679.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

				VND
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	-	1.901.040.909	86.363.636	1.987.404.545
Mua trong năm	<u>1.598.035.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.598.035.000</u>
Số cuối năm	<u>1.598.035.000</u>	<u>1.901.040.909</u>	<u>86.363.636</u>	<u>3.585.439.545</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	-	(1.056.133.840)	(1.439.394)	(1.057.573.234)
Khấu hao trong năm	<u>(207.333.960)</u>	<u>(316.840.152)</u>	<u>(17.272.728)</u>	<u>(541.446.840)</u>
Số cuối năm	<u>(207.333.960)</u>	<u>(1.372.973.992)</u>	<u>(18.712.122)</u>	<u>(1.599.020.074)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	<u>844.907.069</u>	<u>84.924.242</u>	<u>929.831.311</u>
Số cuối năm	<u>1.390.701.040</u>	<u>528.066.917</u>	<u>67.651.514</u>	<u>1.986.419.471</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	110.000.000.000
Mua trong năm	<u>500.000.000</u>
Số cuối năm	<u>110.500.000.000</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	<u>6.247.946.196</u>
Số cuối năm	<u>6.247.946.196</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>110.000.000.000</u>
Số cuối năm	<u>104.252.053.804</u>

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 9.1)	2.892.100.344.316	2.481.118.024.316
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 9.2)	<u>301.802.120.465</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	3.193.902.464.781	2.481.118.024.316
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(9.157.886.490)</u>	<u>(5.184.206.472)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.184.744.578.291</u>	<u>2.475.933.817.844</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34	718.020.621.828	96,34	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01	503.512.000.000	64,01	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (ii)	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	Đang hoạt động	99,995	450.205.902.488	66,995	211.205.902.488
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42	324.513.000.000	73,42	324.513.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet (iii)	Chế biến và bảo quản rau quả	Đang hoạt động	98,00	264.600.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA (i)	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98	228.931.320.000	99,98	358.899.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	99,50	199.000.000.000	99,50	199.000.000.000
Công ty Cổ phần APIS	Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96	128.067.500.000	76,96	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100,00	37.900.000.000	100,00	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients (iv)	Sản xuất hương liệu	Đang hoạt động	83,00	37.350.000.000	-	-
TỔNG CỘNG				2.892.100.344.316 (9.157.886.490)		2.481.118.024.316 (5.184.206.472)
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn				2.882.942.457.826		2.475.933.817.844

GIÁ TRỊ THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 13 tháng 3 năm 2024, Công ty đã nhận lại khoản tiền góp vốn vào công ty Cổ phần Thương mại VICTA với giá trị là 129.967.680.000 VND theo Quyết định số 02/2024/QĐ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA.
- (ii) Vào ngày 15 tháng 4 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 7.194.000 cổ phần của AHS, tương ứng 33% tỷ lệ sở hữu, từ cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 239.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT/AIG ngày 8 tháng 4 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong AHS tăng từ 66,995% lên 99,995%.
- (iii) Trong năm, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet với tổng giá trị là 264.600.000.000 VND trên tổng số vốn cam kết 264.600.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2023/QĐ-HĐQT/AIG ngày 20 tháng 9 năm 2023. Theo đó, Công ty nắm giữ 98,00% vốn điều lệ và quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet.
- (iv) Trong năm, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients với tổng giá trị là 37.350.000.000 VND trên tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT/AIG ngày 20 tháng 2 năm 2024. Theo đó, Công ty nắm giữ 83,00% vốn điều lệ và quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients.

Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	(3.995.625.286)	(3.572.543.591)
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	(2.634.929.433)	(1.611.662.881)
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	(1.390.668.777)	-
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	(1.136.662.994)	-
TỔNG CỘNG	(9.157.886.490)	(5.184.206.472)

9.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			% sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (*)	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	44,5	301.802.120.465

- (*) Vào ngày 24 tháng 7 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc mua 44,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3602503768, do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 31 tháng 5 năm 2011, và các GCNĐKDĐ điều chỉnh. Lĩnh vực kinh doanh chính của GCF là buôn bán thực phẩm. Công ty mua GCF với mục đích đầu tư dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	896.937.938	535.305.732
Phần mềm	571.645.419	466.204.800
Phí bảo hiểm	74.277.687	13.747.481
Công cụ dụng cụ	8.262.299	1.878.787
Khác	242.752.533	53.474.664
Dài hạn	135.536.335.646	21.778.204.451
Tiền thuê đất	128.450.002.788	15.000.000.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.667.520.244	3.714.568.733
Công cụ dụng cụ	664.171.371	379.740.359
Khác	2.754.641.243	2.683.895.359
TỔNG CỘNG	136.433.273.584	22.313.510.183

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	2.206.070.056	499.642.031
Egon Zehnder International Pte Ltd	653.059.542	-
Công ty TNHH Noventiq Việt Nam	570.456.000	466.204.800
Công ty TNHH Savills (Việt Nam) -		
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	500.386.119	-
Khác	482.168.395	33.437.231
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	4.939.160	137.500.000.000
TỔNG CỘNG	2.211.009.216	137.999.642.031

12. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	403.745.347	4.376.004.967	(3.905.509.081)	874.241.233
Thuế nhà thầu	-	188.626.277	(188.626.277)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	430.000	(430.000)	-
Thuế GTGT	(240.000)	-	-	(240.000)
Khác	-	500.000.000	(500.000.000)	-
TỔNG CỘNG	403.505.347	5.069.061.244	(4.598.565.358)	874.001.233
Trong đó:				
Thuế phải nộp	410.145.347			880.641.233
Thuế nộp thừa	(6.640.000)			(6.640.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	14.230.945.209	-
Lãi vay	6.497.753.428	-
Lương tháng 13 và thưởng	4.046.509.000	3.361.798.500
Khác	342.309.836	192.287.247
TỔNG CỘNG	25.117.517.473	3.554.085.747

14. VAY NGẮN HẠN

				VND
	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay từ các bên liên quan (*)	- 570.000.000.000	(25.000.000.000)	545.000.000.000	
Vay từ cá nhân (**)	- 100.000.000.000	(10.000.000.000)	90.000.000.000	
TỔNG CỘNG	- 670.000.000.000	(35.000.000.000)	635.000.000.000	

(*) Chi tiết các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động như sau: (Thuyết minh số 21)

Tên công ty	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	165.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2025 đến ngày 15 tháng 4 năm 2025
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	200.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 5 năm 2025 đến ngày 17 tháng 7 năm 2025
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	100.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	80.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 6 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025
TỔNG CỘNG	545.000.000.000	

(**) Chi tiết khoản vay tín chấp ngắn hạn từ cá nhân để bổ sung vốn lưu động như sau:

Tên cá nhân	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Ông Lê Nguyễn Đoàn Duy	90.000.000.000	Ngày 2 tháng 5 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	668.497.766.697	2.548.510.746.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	109.514.336.104	109.514.336.104
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>778.012.102.801</u>	<u>2.658.025.082.801</u>
Năm nay:				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	778.012.102.801	2.658.025.082.801
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	203.740.960.097	203.740.960.097
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>981.753.062.898</u>	<u>2.861.766.042.898</u>

15.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>

15.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cho các bên liên quan	14.427.430.010	11.035.055.125
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ tiện ích	20.472.554.492	-
TỔNG CỘNG	34.899.984.502	11.035.055.125
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	34.746.529.954	11.035.055.125
Doanh thu từ các bên khác	153.454.548	-

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	259.781.590.000	131.025.396.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	643.161.119	1.071.173.276
Lãi cho các bên liên quan vay	197.773.972	-
TỔNG CỘNG	260.622.525.091	132.096.569.276

17. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên	8.863.817.685	7.451.048.206
Chi phí khấu hao	5.722.311.195	-
Chi phí khác	9.721.873.961	1.969.107.391
TỔNG CỘNG	24.308.002.841	9.420.155.597

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền vay từ bên có liên quan	17.978.534.250	-
Lãi tiền vay từ bên thứ ba	6.761.095.894	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	3.973.680.018	1.848.765.552
TỔNG CỘNG	28.713.310.162	1.848.765.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	20.549.944.705	11.414.841.743
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	2.487.982.958	1.270.186.646
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.124.995.173	339.911.215
Khác	14.541.685.024	9.114.899.421
TỔNG CỘNG	38.704.607.860	22.139.839.025

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	430.000	-
Chi phí thuế TNDN	430.000	-

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	203.741.390.097	109.537.309.104
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	40.748.278.019	21.902.867.221
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(51.956.318.000)	(26.205.079.200)
Chi phí không được trừ	976.455.264	763.643.179
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	430.000	-
Lỗ tính thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	10.231.584.717	3.538.568.800
Chi phí thuế TNDN	430.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

20.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế là 70.482.767.154 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 42.641.925.041 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024
2019	2024	37.869.984.009 (*)	(14.555.502.539)	(23.314.481.470)	-
2020	2025	1.634.599.571 (*)	-	-	1.634.599.571
2023	2028	17.690.244.000 (*)	-	-	17.690.244.000
2024	2029	51.157.923.583 (*)	-	-	51.157.923.583
TỔNG CỘNG		108.352.751.163	(14.555.502.539)	(23.314.481.470)	70.482.767.154

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")	Công ty con
Công ty Cổ phần APIS ("APIS")	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")	Công ty con
Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")	Công ty con
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")	Công ty con
Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")	Công ty con
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")	Công ty con
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH ("Nature ACH")	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")	Công ty liên kết
Ông Bernhard Hackl	Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 21 tháng 2 năm 2025
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến ngày 21 tháng 2 năm 2025;
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 21 tháng 2 năm 2025
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc
Ông Lars Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc từ ngày 8 tháng 10 năm 2024
Ông Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc từ ngày 24 tháng 2 năm 2024 đến ngày 8 tháng 10 năm 2024;
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc đến ngày 24 tháng 2 năm 2024; Phó Tổng Giám đốc từ ngày 20 tháng 3 năm 2024
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cố đồng, Thành viên Hội đồng Quản trị tại công ty con đến ngày 1 tháng 7 năm 2024
Ông Phan Duy Hiếu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc tại công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

				VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
ACC	Công ty con	Nhận cổ tức bằng tiền	202.767.320.000	68.218.562.000
		Đi vay	200.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	166.437.124.000	71.330.196.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.759.723.308	-
		Lãi vay	5.953.424.661	-
VICTA	Công ty con	Nhận lại vốn góp	129.967.680.000	-
		Đi vay	100.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	10.997.266.000	-
		Nhận cổ tức bằng tiền	10.997.266.000	-
		Lãi vay	3.243.232.877	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.230.405.068	-
		Mua TSCĐ, công cụ dụng cụ	1.948.195.000	110.000.000.000
		Chi phí dịch vụ và thuê văn phòng	158.144.218	2.581.108.540
		Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	15.000.000.000
AFI	Công ty con	Đi vay	165.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	39.175.000.000	27.422.500.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	39.175.000.000	27.422.500.000
		Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	12.600.383.373	6.313.673.745
		Lãi vay	6.068.506.846	-
		Lãi vay đã trả	3.581.452.055	-
ACP	Công ty con	Cổ tức nhận bằng tiền	42.540.000.000	-
		Cổ tức được chia	27.270.000.000	27.270.000.000
		Cho vay	15.000.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	7.992.996.303	4.721.381.380
		Lãi cho vay	110.753.425	-
		Mua hàng hóa	-	4.145.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
APIS	Công ty con	Nhận cổ tức bằng tiền	5.002.700.000	5.002.700.000
		Cổ tức được chia	5.002.700.000	5.002.700.000
		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	3.163.021.902	-
		Mua hàng hóa	83.925.812	21.441.736
ATC	Công ty con	Góp vốn	-	78.000.000.000
AHS	Công ty con	Đi vay	80.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	10.899.500.000	-
		Nhận cổ tức bằng tiền	10.899.500.000	-
		Lãi vay	2.547.232.880	-
MDG	Công ty con	Góp vốn	264.600.000.000	-
ASI	Công ty con	Góp vốn	37.350.000.000	-
		Đi vay	25.000.000.000	-
		Trả gốc vay	25.000.000.000	-
		Cho vay	10.000.000.000	-
		Lãi vay	166.136.986	-
		Lãi vay đã trả	166.136.986	-
		Lãi cho vay	87.020.547	-
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị tại công ty con đến ngày 1 tháng 7 năm 2024	Nhận chuyển nhượng cổ phần	239.000.000.000	-
Ông Phan Duy Hiếu	Cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị đến ngày 30 tháng 6 năm 2023; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại công ty con	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	8.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
AFI	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	8.615.089.546	6.818.767.645
ACP	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	6.969.192.978	5.099.091.890
ACC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	67.075.145	-
VICTA	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	19.433.148	-
APIS	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	12.416.570	-
			15.683.207.387	11.917.859.535
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
ACP	Công ty con	Cho vay	15.000.000.000	-
ASI	Công ty con	Cho vay	10.000.000.000	-
			25.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác				
ACP	Công ty con	Cổ tức được chia	12.000.000.000	27.270.000.000
ACP	Công ty con	Lãi cho vay	110.753.425	-
ASI	Công ty con	Lãi cho vay	87.020.547	-
ACC	Công ty con	Cổ tức được chia	-	36.330.196.000
			12.197.773.972	63.600.196.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
APIS	Công ty con	Mua hàng hoá	4.939.160	-
VICTA	Công ty con	Mua tài sản	-	137.500.000.000
			4.939.160	137.500.000.000
Vay ngắn hạn				
AFI	Công ty con	Vay	165.000.000.000	-
ACC	Công ty con	Vay	200.000.000.000	-
VICTA	Công ty con	Vay	100.000.000.000	-
AHS	Công ty con	Vay	80.000.000.000	-
			545.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả ngắn hạn				
ACC	Công ty con	Lãi vay	5.953.424.661	-
VICTA	Công ty con	Lãi vay	3.243.232.877	-
AHS	Công ty con	Lãi vay	2.547.232.880	-
AFI	Công ty con	Lãi vay	2.487.054.791	-
			14.230.945.209	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Thù lao		1.200.000.000	1.335.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Lương và thưởng		3.926.733.000	946.800.000
Ban Kiểm soát			
Thù lao		132.000.000	132.000.000
TỔNG CỘNG		5.258.733.000	2.413.800.000

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm		7.924.731.408	53.168.642
Từ 1 đến 5 năm		31.698.925.632	212.674.570
Trên 5 năm		302.953.938.076	676.866.356
TỔNG CỘNG		342.577.595.116	942.709.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 21 tháng 1 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA đã phê duyệt Nghị quyết Số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA từ 220.000.000.000 VND xuống 150.000.000.000 VND theo hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Theo đó, Công ty đã được hoàn trả một phần vốn góp trị giá 69.982.600.000 VND, tương ứng với 6.998.260 cổ phần đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 22 tháng 1 năm 2025.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

